TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST.
Ngày: 17/4/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương minh Suốt.

2. Bà Lý Thị Đào.

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Trương Thanh P (Trương Thành P) (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Ngọc N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B trình bày: Vào ngày 09/3/2016 ông có bán thức ăn nuôi tôm, gạo và tôm giống cho vợ chồng ông Trương Thanh P (Trương Thành P), bà Nguyễn Ngọc N nhiều lần. Trong quá trình mua bán giữa ông B và ông P, bà N có tổng kết các khoản nợ thành 02 đợt, cụ thể:

- Đợt 1: Từ ngày 09/3/2016 đến ngày 27/7/2016: Ông P, bà N mua thức ăn tôm, gạo và tôm giống nợ tổng số tiền là 69.379.000 đồng.

- Đợt 2: Từ ngày 05/8/2016 đến ngày 17/4/2017: Ông P, bà N mua thức ăn tôm và nợ tổng số tiền là 11.679.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ 02 đợt nêu trên là 81.058.000 đồng. Sau đó, ông P và bà N có trả cho ông B nhiều lần được số tiền 62.379.000 đồng, còn nợ số tiền là 18.679.000 đồng. Đến ngày 09/12/2018, ông P và bà N đối chiếu nợ với ông B và ký biên nhận số nợ còn lại là 18.679.000 đồng thì ngưng trả. Ông B có đi đòi nhiều lần nhưng ông P và bà N không trả số tiền nợ nêu trên cho ông.

Nay ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Trương Thành P và bà Nguyễn Ngọc N trả cho ông số tiền là 18.679.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với bị đơn ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông P, bà N không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông P, bà N cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Thanh Pvà bà Nguyễn Ngọc N đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N.

Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N trả cho ông số tiền nợ mua bán (gồm thức ăn nuôi tôm, tôm giống và gạo) với tổng số tiền là 18.679.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Về chứng cứ: Ông B cung cấp biên nhận nợ do ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N ký nhận nợ 18.679.000 đồng vào ngày 09/12/2018. Khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông P và bà N, nội dung các thông báo đều có nêu rõ việc ông B yêu cầu ông Pvà bà N phải trả cho ông số tiền còn nợ là 18.679.000 đồng. Ông P và bà N trực tiếp ký nhận các thông báo nêu trên, nhưng ông P, bà N không có ý kiến, cũng không phản đối việc ông Bài yêu cầu ông P, bà N phải trả số nợ còn lại đến thời điểm hiện nay là 18.679.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định ông P, bà N còn nợ của ông Bài số tiền 18.679.000 đồng là đúng sự thật.

[2] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Nguyễn Văn B đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn nuôi tôm, gạo và tôm giống cho bên mua là ông Trương

Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N. Ông P, bà N đã nhận đủ tài sản do ông B chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông P, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Btheo thỏa thuận. Tính từ ngày 09/12/2018 đến nay, ông P và bà N còn nợ của ông B số tiền mua bán là 18.679.000 đồng. Như vậy, ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Nên yêu cầu khởi kiện của ông Bài là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Văn B do vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 18.679.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn B được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Trương Thanh P (Trương Thành P) và bà Nguyễn Ngọc N phải trả số tiền 18.679.000 đồng;

[2] Buộc ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Ngọc N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 18.679.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trương Thanh P (Trương Thành P) và bà Nguyễn Ngọc N chậm trả số tiền nêu trên cho ông Nguyễn Văn B, thì ông Pvà bà N phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm với lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thanh P (Trương Thành P) và bà Nguyễn Ngọc N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 933.950 đồng (chín trăm ba mươi ba nghìn chín trăm năm mươi đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ

Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 466.000 đồng theo biên lai thu số 0005376 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ